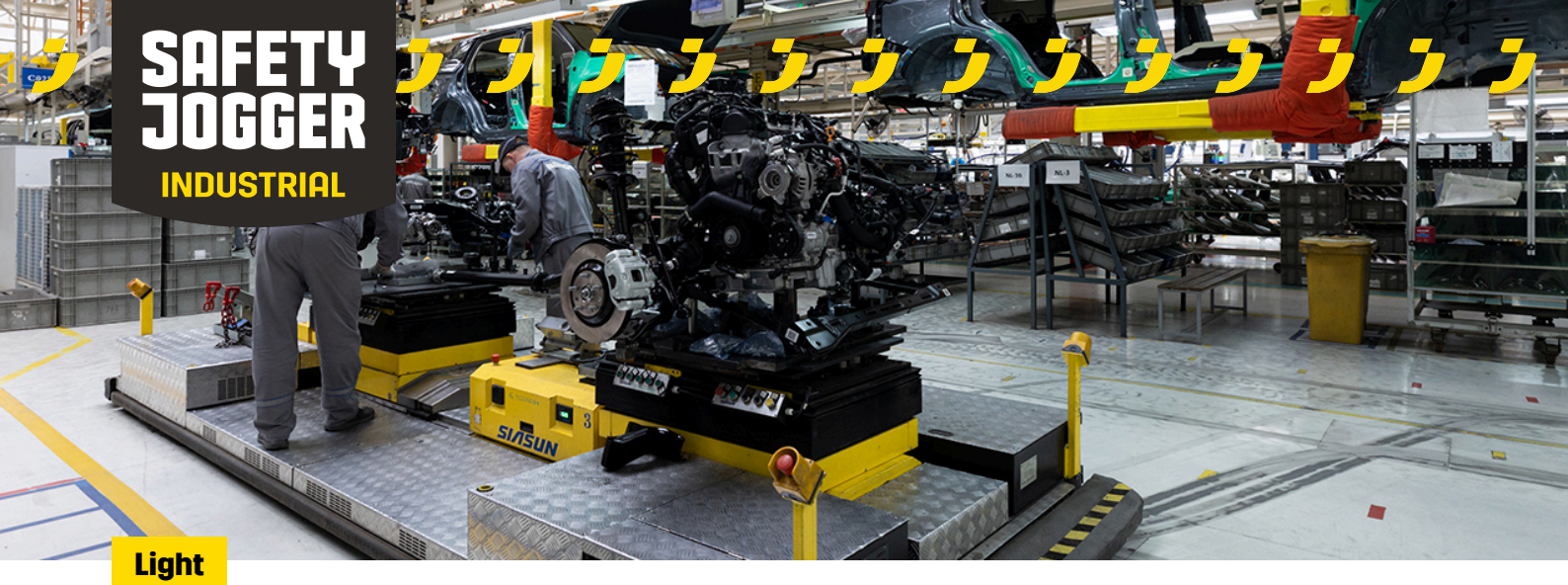


SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

BESTKNIT S1P

BSTKNITS1P

Giày th ể **thao an toàn** hiệ **dành cho** th ần **trên** ớ
ớp bả **và** l ệ bả g **thép**

Thích hu cấp cho hấp ráp, ô tô và công n ghiệ p nh ẹ , giày an toàn dành cho nữ BESTKNIT có khả năng bảo v ệ S1P, tuân thủ ESD, bám thang và chư ố ợt r g t. Đệ u tuế cho môi làm việ c năng ái thức d năng thoáng khí và tính linh h oạt

Những vật liệu cao cấp lộ may, TPU	D
ót bên trong ệt may	D
rong Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S1 P / SR, LG, FO, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-43 / UK 3.0-9.0 / US 5.5-11.5 JPN 21.5-27 / KOR 230-280
ng lượng t thép	0.470 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

CO_2 7.67 kg



LBL



LLC



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ c mi tạo lâu hơn.



Tay nắm bậc **thang (LG)**
Đường viền được xác định đặc bi giày ng tăng thêm độ an toàn khi đứng trên thang.



S1P
làm v trong khu ẩm, không có nguy cơ bị nước ng bàn chân, và bạn cần bảo vệ ngón chân, chống đâm thủng và th bạn cần giày bảo hộ S1P.



T **SJ** BQ
ấm lót chân T chống tĩnh mái có thể tháo ừa
vận, dẫn hướng và hấp thụ sốc
ót chân và toàn Thoáng khí và hút ẩm.



X
ESD cung cấp khả năng xả năng
lượng tĩnh điện có kiểm soát có
thể làm hỏng các bộ phận điện
tử và ngăn ngừa sự bắt lửa do tích điện.
00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



u
ế ngoài có khả năng và nhiên dầu.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp n:

Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Ngành công n gbiệầnp , hậ

ường: **Môi** t

rư ờn mộikhô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giầy, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hầ mộ Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ế t ơn vị u	đo l Đ ờn g q
Nhữ n g vật lt **máy, TPU**				
cao cấp h ơn				
	Top: khả năng ntuấmớch ơ	? 0.8	11.2	iờ mg/cm/g
	Top: hi nụ số ơ	? 15	90.0	mg/cm2
ót bên trong	ệ t **may** D			
	L ớp lót: ntuấmớch ơ	? 2	11.7	iờ mg/cm/g
	lót: hi nụ số ơ	? 20	94.2	mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	chu kỳ
goài	Đ **PU / PU**			
	Ch ố n mài mòn (chiều dài) ngoài (	? 150	29.9	mm
	Chư ố ợ trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót, v ề phía t	? 0.31	0.40	ma sát
	rư Cợt có ớt bảng - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.43	ma sát
	rư Cợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót, phía t	? 0.19	0.20	ma sát
	Chư ố ợ trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.27	ma sát
	rị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	13.2	megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	18	megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20	31	J
Đ ứ n g đầ **Thép**				
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.5	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	20.5	mm

kích thước thép: 38

a chú Giầy khôn có t thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản ủ

hân sinh thái:

Dữ

	Sự miêu t ả	ế t ơn vị u	đo l Đ ờn g q
i **CO2** hát thả			
	V ật l iệu	5.39	kg
	Bao bì	0.12	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		7.67 kg CO2/ cặp	

	Sự miêu t ả	ế t ả u	K q
ệ vật l Tiệ ỷ **tái** ch ế			
	Product	7%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:

rị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán